

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/10/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	424	CLO-MRM+RCDM	7:25	4+1+14	0+0+0		1+3+15	0+0+0	
2	424	VSP02+TD1+P3	9:25	4+14+0	0+0+0		0+14+8	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16-Oct-17	TO: VSP02 - TD1 - P3	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: PHÚ - Bằng - CƯỜNG	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ ANH TUÂN	VSP02	66	1	10	18	66	CODIEN	Vietnamese
2	LÊ NGỌC HIỆP	VSP02	67	1	10	55	80	CODIEN	Vietnamese
3	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	VSP02	68	1	8		69	CODIEN	Vietnamese
4	PHAN NGỌC AN	VSP02	56-57	2	5		74	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN DŨNG	TD1	92	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
6	MIKHILICHENKO S.IA	TD1	85	1	10	17	98	KHOAN	Russian
7	TRƯƠNG HOÀNG KHANH	TD1	93	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ ĐÌNH PHONG	TD1	94	1	7		62	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH THUY	TD1					68	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN LĂNG	TD1					80	KHOAN	Vietnamese
11	BUI NGỌC QUANG	TD1	82	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN DŨNG	TD1	91	1	7		64	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ VĂN NGUYỄN	TD1	90	1	6		55	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH SƠN	TD1	89	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ MẠNH HAI	TD1	84	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐĂNG LAM	TD1	88	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG THẮNG	TD1	83	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
18	HOÀNG VĂN DUY	TD1	81	1	3		64	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	4	5	33	289	73	0		
2	TD1	14	12	71	961	17	14		
3	P3	0	0	0	0	40	8		
TOTAL		18	17	104	1.250	130	22		
WEIGHT KG				104	1.250	130			

GRAND TOAL: 1.484 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/10/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P7+TD2+CTK3	7:25	2+18+2	0+0+0		0+19+3	0+0+0	
2		PPD+JS2+P4	7:25	17+5+0	0+0+0		7+8+7	0+0+0	CHUYEN 4 PAX TU PPD-JS2
3		RP2+RC4	7:25	20+2	0+0		19+3	0+0	
4		PVD2+BK10+P4	7:25	19+0+3	0+0+0		13+3+6	0+0+0	
5		RP3+P8	9:25	22+0	0+0		20+0	0+0	CHUYEN 1 PAX TU RP3-P8
6		RP2+CNV+P4	9:25	10+5+7	0+0+0		5+0+17	0+0+0	
7		TD3+PPD+P4	9:25	11+2+5	0+0+0		0+0+20	0+0+0	THẢO 2 GHẾ CHỖ HÀNG
8		PPD	9:25	22	0		22	0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/10/2017	TO: P7 - TD2 - CTK3	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HÙNG - Phong - DKHÁNH	ETA: 09:10
XANH-1			

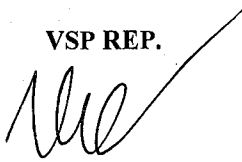
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HA MẠNH HOÀNG	P7	19-20	2	17		70	CODIEN	Vietnamese
2	ĐÌNH MAI THIÊN	P7	18	1	5		70	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN HAI	TD2	900	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
4	HOÀNG MẠNH HÙNG	TD2	96	1	5		85	GETRACO	Vietnamese
5	GARMADAN I.A.D	TD2	87	1	5		90	KHOAN	Russian
6	VŨ MINH HAI	TD2	93	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN TRỌNG ANH	TD2					78	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ TRƯỜNG LAM	TD2	85	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	TRƯỜNG THANH TÙNG	TD2	91	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ VĂN HIỀN	TD2	92	1	5	75	80	KHOAN	Vietnamese
11	BUI TRUNG THỌ	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
12	NGÔ VĂN HUY	TD2	86	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH BÌNH	TD2	90	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
14	MAI VĂN HOÀNG	TD2	99	1	3		56	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	TD2	94	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ PHÁT THỊNH	TD2	97	1	5		85	GETRACO	Vietnamese
17	TRẦN NGỌC KHÁNH	TD2	98	1	5		56	GETRACO	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐẠI DƯƠNG	TD2	800	1	5		76	GETRACO	Vietnamese
19	TRẦN HỮU THƯỜNG	TD2	899	1	5		80	GETRACO	Vietnamese
20	TRẦN VĂN CHINH	TD2	84	1	5		52	GETRACO	Vietnamese
21	PHẠM THANH HAI	CTK3	46	1	5	50	70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

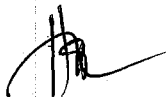
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	2	3	22	140	0	0		
2	TD2	18	16	78	1.331	75	19		
3	CTK3	1	1	5	70	50	3		
TOTAL		21	20	105	1.541	125	22		
WEIGHT KG				105	1.541	125			

GRAND TOAL: 1.771 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17-Oct-17	TO: PPD - JS2 - P4	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTuấn - PTUẤN	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÔ THANH TIỀN	PPD	15-16	2	15	55	84	CODIEN	Vietnamese
2	ĐIỀU QUỐC CHÍNH	PPD	13	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN THIỆU	PPD	17	1	9		69	CODIEN	Vietnamese
4	TRẦN ĐỨC QUANG	PPD	14	1	5		66	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH HOÀNG	PPD	02	1	5		70	KHI	Vietnamese
6	NGÔ XUÂN HƯƠNG	PPD	03	1	5		72	KHI	Vietnamese
7	ĐOÀN VĂN CẠN	PPD	01	1	7		57	KHI	Vietnamese
8	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	07	1	10		68	KHI	Vietnamese
9	MAMEEV E.Z	PPD	10	1	12		96	KHI	Russian
10	PHẠM NGỌC HÙNG	PPD	12	1	7		77	KHI	Vietnamese
11	TRẦN LÊ RĂNG	PPD	04	1	6		82	KHI	Vietnamese
12	TRỊNH VĂN CƯỜNG	PPD	08	1	5		69	KHI	Vietnamese
13	TRẦN QUỐC HÙNG	PPD	09	1	7		55	KHI	Vietnamese
14	VÔ VĂN QUYỀN	PPD	06	1	5		65	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT ĐẠI	PPD	11	1	5		70	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN TIỀN QUANG	PPD	05	1	4		71	KHI	Vietnamese
17	TRƯƠNG QUYẾT THẮNG	JS2	98	1	14	40	75	KHOAN	Vietnamese
18	HỒ NGỌC BÉN	JS2	97	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
19	BUI XUÂN TRƯỞNG	JS2	95	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
20	VŨ VIỆT HUÂN	JS2	96	1	10	37	67	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN CÔNG TÂM	JS2	99	1	8		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	16	17	117	1.141	55	74		CHUYEN 4 PAX TU PPD SANG JS2
2	JS2	5	5	43	354	77	8		
3	P4	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		21	22	160	1.495	132	22		
WEIGHT KG				160	1.495	132			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/10/2017	TO: RP2 - RC4	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - KHẢI - HIẾU	ETA: 09:20
vang-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GONCHAROV S.A	RP2	16	1	9		107	KHOAN	Russian
2	NGUYEN THANH TUNG	RP2	23	1	14		67	CODIEN	Vietnamese
3	DANG CONG DANH	RP2	24	1	10		82	CODIEN	Vietnamese
4	BUI HUU TRI	RP2	11	1	4		59	GETRACO	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN QUYNH	RP2					69	GETRACO	Vietnamese
6	SAFONOV BORIS	RP2	13	1	10		81	KHOAN	Russian
7	NGUYEN MANH TINH	RP2	10	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
8	DO VAN PHAN	RP2	20	1	5	85	75	KHOAN	Vietnamese
9	DAU CAO KHANG	RP2	15	1	4		53	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN MINH HIEU	RP2	09	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
11	VO VAN HUNG	RP2	25	1	11		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN HAU	RP2	17	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN QUOC TUAN	RP2					65	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN CHAN	RP2	18	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HUYNH	RP2	14	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
16	NGO HONG GIANG	RP2	21	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM QUANG ANH	RP2					80	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN NGAN	RP2	19	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
19	LE TRUNG SON	RP2	22	1	12		73	KHOAN	Vietnamese
20	PHAM TIEN VINH	RP2	12	1	12		85	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN NGOC QUANG	RC4	55	1	13	35	65	XAYLAP	Vietnamese
22	HOANG VAN MANH	RC4	53-54	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	20	17	128	1.428	85	19		
2	RC4	2	3	28	130	35	3		
TOTAL		22	20	156	1.558	120	22		
WEIGHT KG				156	1.558	120			

GRAND TOAL: 1.834 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/10/2017	TO: PVD2 - BK10 - P4	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Bằng - PHÚ - CUÔNG	ETA: 09:30
TRANG-1			

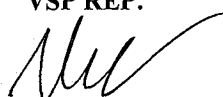
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MUSTAFA	PVD2	44	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN HUU DAT	PVD2	43	1	8		77	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN DUC CHI	PVD2	39	1	6		57	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN LUC	PVD2	32	1	5		54	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM LE MINH TRI	PVD2	40	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM VAN TAN	PVD2	42	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
7	MAI DONG DUY	PVD2	41	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN THANH LONG	PVD2	38	1	8		73	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN DINH HAO	PVD2	48	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
10	DAO HAI NAM	PVD2	49	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN DANG TICH	PVD2	50	1	10		57	KHOAN	Vietnamese
12	LE HOANG THI	PVD2	53	1	11		65	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG ANH ĐỨC	PVD2	52	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN TUNG SON	PVD2	54	1	5	22	58	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN MINH NHẬT	PVD2	33	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
16	TRIỆU QUANG TRUNG	PVD2	34-35	2	15		72	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ HAI THANG	PVD2	51	1	12		72	KHOAN	Vietnamese
18	TEERAPON MEEARUN	PVD2	45-46	2	18	6	74	KHOAN	Thailand
19	TRINH VAN KIEN	PVD2	36-37	2	12		57	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN VAN KY	P4	60,86	2	16	35	65	YTE	Vietnamese
21	ANSEROV .V	P4					82	KH-THAC	Russian
22	LE VAN HOAN	P4	59	1	3		67	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

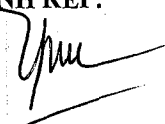
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	19	22	157	1.253	28	13		
2	BK10	0	0	0	0	35	3		
3	P4	3	3	19	214	35	6		
TOTAL		22	25	176	1.467	98	22		
WEIGHT KG				176	1.467	98			

GRAND TOAL: 1.741 KGS

VSP REP.



YNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/10/2017	TO: RP3 - P8	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: <i>Phu - Van</i> CUONG	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRONG TAM	RP3	17	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
2	PEVIKIN V.N	RP3	27	1	5		110	KHI	<i>Russian</i>
3	BUI VAN HUNG	RP3	21	1	7		68	KHI	Vietnamese
4	HA VAN THUY	RP3	20	1	5		73	KHI	Vietnamese
5	PHAM VAN KY	RP3	18	1	6		68	KHI	Vietnamese
6	NGO THANH LAM	RP3	24	1	3	80	69	KHI	<i>Vietnamese</i>
7	PHAM QUOC KHANH	RP3					83	KHI	Vietnamese
8	ACTAKOV A.N	RP3					90	KHI	Russian
9	NGUYEN VAN VINH	RP3	22	1	4		73	KHI	Vietnamese
10	HOANG VAN HAI	RP3	26	1	8		63	KHI	Vietnamese
11	LE NHU NGUYEN	RP3	25	1	12		63	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN THANH TUNG	RP3	19	1	2		72	KHI	Vietnamese
13	NGO NGOC HAN	RP3	23	1	3		66	KHI	Vietnamese
14	LE MINH PHUNG	RP3	15-16	2	10		77	KHI	Vietnamese
15	LAI VAN MINH	RP3	14	1	5		63	KHI	Vietnamese
16	TA PHI KHANH	RP3	13	1	2		63	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN MINH THAO	RP3	34	1	13		66	DVL	Vietnamese
18	VU ANH TRONG	RP3	33	1	12		65	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN VAN DONG	RP3	32	1	12		71	DVL	Vietnamese
20	PHAM VAN CUONG	RP3	29-30	2	13		82	DVL	Vietnamese
21	PHAM HONG QUY	RP3	28	1	13		62	DVL	Vietnamese
22	TANG TIEN TOAN	RP3	31	1	8		83	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	22	149	1.600	80	20+1		CHUYEN 1 PAX RP3 SANG P8
2	P8	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	22	149	1.600	80	20		
WEIGHT KG				149	1.600	80			

GRAND TOAL: 1.829 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/10/2017	TO: RP2 - CNV - P4	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTuấn - PTUẤN	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀ KHƯƠNG DUY	RP2	48-49	2	13	35	60	KHOAN	Vietnamese
2	VŨ HỮU KÊ	RP2	50-51	2	12		79	KHOAN	Vietnamese
3	CHU ĐÌNH THANH	RP2	44	1	6		51	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN NGỌC	RP2	47	1	8		61	DVL	Vietnamese
5	VŨ TÀ HÙNG	RP2					69	GETRACO	Vietnamese
6	HỒ VĂN THAO	RP2	45	1	10		70	GETRACO	Vietnamese
7	PHẠM ANH TU	RP2	42	1	5		71	GETRACO	Vietnamese
8	NGUYỄN CẢNH HIỆN	RP2	46	1	5		56	GETRACO	Vietnamese
9	TRẦN VIỆT HOÀI	RP2	43	1	5		65	GETRACO	Vietnamese
10	BUI VĂN QUÂN	RP2	41	1	4		66	GETRACO	Vietnamese
11	LE NGỌC ANH	CNV	87	1	7	57	75	PVD	Vietnamese
12	ĐỖ ANH TUẤN	CNV	84	1	5		67	PVD	Vietnamese
13	PHẠM TÚ ANH	CNV	85	1	9		67	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN HỒNG ĐIệp	CNV	86	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
15	LƯU ĐỨC HĂNG	P4	20	1	4	21	68	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN NAM	P4					65	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG HÀ	P4	24	1	4		67	KHI	Vietnamese
18	PHẠM QUỐC DUY	P4	22	1	2		61	KHI	Vietnamese
19	TÀ VĂN QUYNH	P4					71	KHI	Vietnamese
20	TRẦN ĐAI	P4	21	1	8		70	KHI	Vietnamese
21	TRẦN VĂN PHÚC	P4	23	1	6		71	KHI	Vietnamese

(Không ha cail CNV + P4
thời tiết)

FLIGHT PLAN

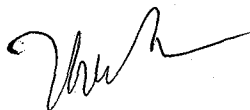
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	10	11	68	648	35	5		
2	CNV	4	4	31	274	57	0		
3	P4	7	5	24	473	21	17		
TOTAL		21	20	123	1.395	113	22		
WEIGHT KG				123	1.395	113			

GRAND TOAL: 1.631 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/10/2017	TO: TD3 - PPD - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: HUNG - Phong - DKHANH	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM THANH LINH	TD3	80	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
2	NIKOLAYEV G.M	TD3	81	1	10		75	KHOAN	Russian
3	PHILLIPOV	TD3					80	KHOAN	Russian
4	KUZHNESOV	TD3	82	1	5		110	KHOAN	Russian
5	NGUYEN VAN TUAN	TD3	84-85	2	15		60	D-HANH	Vietnamese
6	NGUYEN BA THANG	TD3	86-87	2	8	65	75	D-HANH	Vietnamese
7	NGUYEN QUY GIAP	TD3	90-91	2	15	115	72	D-HANH	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC HIEP	TD3	88-89	2	10		70	D-HANH	Vietnamese
9	TRAN NGOC QUYET	TD3	79	1	5		70	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN HUU CUONG	TD3	83	1	5		70	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN ANH TU	PPD	40	1	5	60	70	KHI	Vietnamese
12	DO VAN TUAN	PPD	61	1	5		72	KHI	Vietnamese
13	PHAM HUU THO	P4	99	1	5		65	KHI	Vietnamese
14	LE VAN MANH	P4	600	1	5		60	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN VAN THINH	P4				20	70	KHI	Vietnamese
16	LE QUANG VINH	P4	400	1	5		67	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN VAN HOANG	P4	81	1	5		75	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VAN AN	P4	88,500	2	10		64	HOP DONG	Vietnamese
19	NGUYEN HOAI NAM	P4	100	1	5		55	HOP DONG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	10	13	78	742	180	0		THAO 01 GHE DOI CHO HANG
2	PPD	2	2	10	142	60	0		
3	P4	7	7	35	456	20	20		
TOTAL		19	22	123	1.340	260	20		
WEIGHT KG				123	1.340	260			

GRAND TOAL: 1.723 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17-Oct-17	TO: PPD	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - KHOÀN - HIẾU	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ HỮU NGUYỄN	PPD	65	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
2	LE NGOC SON	PPD	53	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TUAN ANH	PPD	70,78	2	10		73	KH-THAC	Vietnamese
4	VU QUANG TUAN	PPD	64	1	6		68	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYEN THANH TUNG	PPD	63	1	5		66	CODIEN	Vietnamese
6	LUU CONG THI	PPD	59	1	7		63	CODIEN	Vietnamese
7	PHAM VAN HUAN	PPD	68-69	2	14		62	CODIEN	Vietnamese
8	DAO CHI THANH	PPD	54	1	5		82	CODIEN	Vietnamese
9	VU VAN SONG	PPD	55	1	5		69	KHI	Vietnamese
10	TRAN HUYNH ANH PHONG	PPD	60	1	5		66	KHI	Vietnamese
11	TRAN VAN NAM	PPD	61	1	5		75	KHI	Vietnamese
12	LE TRUNG LAN	PPD	62	1	5		75	KHI	Vietnamese
13	PHAM HUY THONG	PPD				58	77	KHI	Vietnamese
14	TRAN QUYET TIEN	PPD					67	KHI	Vietnamese
15	TRAN TIEU LONG	PPD	56-58	3	14		88	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN THANH TUAN	PPD	67	1	6	80	69	XAYLAP	Vietnamese
17	NGO TRUNG KIEN	PPD	77	1	8		63	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAN NGOC TUAN ANH	PPD	74-75	2	10		73	XAYLAP	Vietnamese
19	TRAN VAN TOAN	PPD	71	1	8		58	XAYLAP	Vietnamese
20	DUONG QUANG TRUNG	PPD	73,76	2	10		100	XAYLAP	Vietnamese
21	DAO AN TUAN	PPD	66	1	10		53	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN VAN SANG	PPD	72	1	7		72	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	26	149	1.551	138	22		
TOTAL		22	26	149	1.551	138	22		
WEIGHT KG				149	1.551	138			

GRAND TOAL: 1.838 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN